

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI**Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2)**Phòng thi:** B1.203**Môn thi:** Kỹ năng nghe**Ca thi:** 10h00**Ngày thi:** 24/02/2022

TT	SBD	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA0171	NGUYỄN TUẤN	ANH	20/02/1999			
2	TA0172	NGUYỄN TUẤN	ANH	03/05/1999			
3	TA0173	NGUYỄN	HẢO	16/07/1998			
4	TA0174	NGUYỄN TẤT	HÙNG	15/09/1999			
5	TA0175	TRẦN QUANG	ANH	10/08/1998			
6	TA0176	PHẠM HOÀNG	ANH	21/09/1999			
7	TA0177	NGUYỄN ĐỨC	ANH	11/01/1998			
8	TA0178	LÊ VĂN	ĐẠI	06/08/1998			
9	TA0179	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	13/11/1999			
10	TA0180	NGUYỄN TUẤN	DƯƠNG	18/01/1999			
11	TA0181	NGUYỄN ĐỨC	HIỀN	24/07/1998			
12	TA0182	ĐINH VĂN	HIẾU	10/10/1998			
13	TA0183	ĐÀO XUÂN	HÒA	12/04/1998			
14	TA0184	NGUYỄN THỂ THANH	HÙNG	09/07/1998			
15	TA0185	NGUYỄN QUANG	HÙNG	17/11/1999			
16	TA0186	THÂN VĂN	HƯỞNG	06/06/1998			
17	TA0187	DƯƠNG HÀ	KHÁNH	17/08/1998			
18	TA0188	HÀ THỊ	LAN	23/07/1996			
19	TA0189	TRẦN THỊ MAI	LAN	25/05/1998			
20	TA0190	TRẦN THỊ TÀI	LINH	09/01/1998			
21	TA0191	TRẦN DIỆU	LINH	18/09/1999			
22	TA0192	MAI THỊ	LOAN	26/12/1999			
23	TA0193	NGÔ XUÂN	LỘC	19/10/1999			
24	TA0194	NGUYỄN DUY	LỘC	22/02/1998			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)